

Bản án số: 48/2024/HS-ST
Ngày 23-4-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Công Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Hiền

Bà Hoàng Thị Hương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nông Thị Biển, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:** Ông Đàm Đình Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 40/2024/TLST-HS ngày 28/3/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 230/2024/QĐXXST-HS ngày 09/4/2024 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Văn N (tên gọi khác: Không); sinh ngày 27 tháng 04 năm 1965 tại phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

Nơi cư trú: Khu P, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hóa: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Đức L (Đã chết) và con bà Nguyễn Thị T (Đã chết), có vợ là Nguyễn Thị M, sinh năm 1964; Có 03 con, con lớn sinh năm 1987, con nhỏ sinh năm 1992; Tiền án, tiền sự: Không; Ngày 12/03/1993, bị cáo Hoàng Văn N bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Bắc xử phạt 05 năm tù giam về tội “Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa” và tội “Phá hủy công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 04/12/2023 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh C (Có mặt).

2. Nguyễn Văn T1 (tên gọi khác: Không); sinh ngày 09 tháng 10 năm 1974 tại phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

Nơi cư trú: Khu P, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hóa: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn B (Đã chết) và bà Nguyễn Thị M1 (Đã chết), có vợ là Nguyễn Thị L1, sinh năm 1975; Có 02 con, con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 1999; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 11/11/2023 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại Công an tỉnh C (Có mặt).

3. Nguyễn Văn C (tên gọi khác: Không); sinh ngày 12 tháng 07 năm 1995 tại L, Y, Bắc Ninh.

Nơi cư trú: Thôn N, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 03/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị K (Đã chết), có vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1995; Các con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 30/09/2016, bị cáo Nguyễn Văn C bị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xử phạt 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 11/11/2023 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại Công an tỉnh C (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 02 giờ 20 phút ngày 11/11/2023 tổ công tác Phòng Q Công an tỉnh C làm nhiệm vụ tại phố H, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Cao Bằng phát hiện Nguyễn Văn T1 (sinh năm 1974 trú tại: Khu P, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh) điều khiển xe ô tô hiệu TOYOTA biển kiểm soát 99E-005.05 cùng Nguyễn Văn C (sinh năm 1995 trú tại thôn N, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh) chở 02 người Trung Quốc không có giấy tờ nhập cảnh đi về hướng thành phố C. Tổ công tác đưa người cùng phương tiện về trụ sở Công an thị trấn Q lập biên bản bắt người phạm tội quả tang (02 người nhập cảnh gồm: Trần Trần sinh năm 1995; Ngô Khang D sinh năm 2003 cùng trú tại tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc).

Mở rộng điều tra xác định được như sau: Ngày 03/11/2023 Hoàng Văn N (sinh năm 1965 trú tại khu P, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh) được một người đàn ông (không rõ tên, địa chỉ) sử dụng số điện thoại 0865.080.095 liên lạc thuê N chở 02 người Trung Quốc từ thành phố Hồ Chí Minh đến thành phố Hà Nội với tiền tiền 3.000.000 đồng/01 người, vì biết là người nhập cảnh trái phép nên N yêu cầu người thuê trả với số tiền 5.000.000 đồng/01 người, người này đồng ý và hẹn giao người cho N vào tối ngày 04/11/2023. Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 04/11/2023 N điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 99F-000.37 chở khách từ tỉnh Tây Ninh đến khu vực cầu A thuộc địa phận quận A, thành phố Hồ Chí Minh thì thấy 03 người đang đứng chờ, sau đó có 02 người Trung Quốc lên xe, N tiếp tục điều khiển xe đến thành phố Hà Nội. Đến khoảng 07 giờ ngày 05/11/2023 khi di chuyển đến tỉnh Bình Định, N báo cho người thuê biết là đã đón được 02 người

Trung Quốc và được người thuê chuyển vào tài khoản của N 10.000.000 đồng. Đến khoảng 03 giờ ngày 06/11/2023 khi đến khu vực thành phố Hà Nội, người thuê yêu cầu N đưa 02 người Trung Quốc về tỉnh Bắc Ninh rồi gọi xe taxi chở 02 người Trung Quốc đến tỉnh Cao Bằng với số tiền 3.000.000 đồng, N yêu cầu người thuê phải trả 10.000.000 đồng tiền công chở và trả thêm 800.000 đồng tiền ăn khi đi đường cho 02 người Trung Quốc, người thuê đồng ý chuyển cho N 10.800.000 đồng. Khoảng 06 giờ ngày 06/11/2023 N chở 02 người Trung Quốc đến nhà của mình tại thành phố B, tỉnh Bắc Ninh và thuê Nguyễn Văn T1 chở 02 người đến tỉnh Cao Bằng. Khoảng 07 giờ cùng ngày, T1 đến nhà N chở 02 người đến tỉnh Cao Bằng, N chỉ nói với T1 là khách đây, không nói cho T1 biết là khách Trung Quốc nhập cảnh trái phép và đưa cho T1 số tiền 3.000.000 đồng rồi lấy số điện thoại 0886.080.095 cho T1 để T1 liên lạc trả khách. Khi đến thành phố C, T1 liên lạc thì được người này hướng dẫn đến một nhà trọ tại phường Đ, thành phố C và cho 02 người Trung Quốc xuống xe.

Sau khi cho 02 khách xuống phường Đ, thành phố C, T1 được người sử dụng số điện thoại 0886.080.095 thuê chở 01 người từ thành phố C, tỉnh Cao Bằng đến nhà của N tại thành phố B, tỉnh Bắc Ninh với tiền cước 2.500.000 đồng; cùng thời điểm này người sử dụng số điện thoại 0886.080.095 liên lạc báo cho N biết là T1 đang chở 01 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép đến tỉnh Bắc Ninh để N chở vào thành phố Hồ Chí Minh và chuyển vào tài khoản của N 5.000.000 đồng. Khoảng 19 giờ ngày 06/11/2023, T1 điều khiển xe đến bến xe khách thành phố C chờ thì có 01 người Trung Quốc lên xe, Tam điều khiển về tỉnh Bắc Ninh, quá trình chở người Tam không biết đó là người nhập cảnh trái phép; đến khoảng 06 giờ ngày 07/11/2023 T1 chở người Trung Quốc đến nhà của N, N cho người Trung Quốc ở lại nhà của mình chờ để tiếp tục đưa vào thành phố Hồ Chí Minh. Sáng ngày 08/11/2023 Nguyễn Văn T1 tiếp tục được người sử dụng số điện thoại 0886.080.095 liên lạc thuê T1 đến tỉnh Cao Bằng chở 01 người đến nhà của N tại tỉnh Bắc Ninh, do bận việc không đi được nên Tam bảo Nguyễn Văn C đi chở người, T1 gửi cho C số điện thoại của người thuê để liên lạc đón người; khoảng 14 giờ cùng ngày, C điều khiển xe ô tô đến 01 nhà nghỉ tại thị trấn T, T chở 01 người Trung Quốc đến nhà của N tại tỉnh Bắc Ninh. Khi tập trung được 02 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép đến nhà mình, khoảng 06 giờ ngày 09/11/2023 N dẫn 02 người Trung Quốc lên xe ô tô biển kiểm soát 99F-000.37 di chuyển đến tỉnh Tây Ninh. Đến khoảng 20 giờ ngày 10/11/2023 khi xe đi đến quận A, thành phố Hồ Chí Minh thì N giao 02 người Trung Quốc cho một người không quen biết và được người thuê chuyển vào tài khoản 5.000.000 đồng.

Tiếp đó, khoảng 18 giờ ngày 10/11/2023 Nguyễn Văn T1 được người sử dụng số điện thoại 0886.080.095 liên lạc thuê T1 đến tỉnh Cao Bằng chở 02 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép đưa đến thành phố B, tỉnh Bắc Ninh giao cho Hoàng Văn N 01 người để N chở đến thành phố Hồ Chí Minh và T1 tiếp tục chở 01 người đến thành phố M, tỉnh Quảng Ninh với số tiền 7.300.000 đồng; sau đó T1 rủ Nguyễn Văn C cùng đến Cao B1 chở người và thống nhất chia đều tiền công sau khi trừ các chi phí đi đường, C đồng ý. Khoảng 20 giờ cùng ngày, T1 sử dụng xe ô tô biển kiểm soát 99E-005.05 của mình cùng C điều khiển đến tỉnh Cao Bằng; khi đến thành phố C thì có một tài khoản Zalo "LIIII" gửi vị trí đón người cho T1. Theo định vị khoảng 02 giờ ngày 11/11/2023 thì T1 cùng C đi đến xã Q, huyện T thì được 01 người Việt Nam (không rõ tên tuổi địa chỉ) giao cho T1, C 02 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép. Khoảng 02 giờ 30 phút cùng ngày, khi T1 cùng C chở 02 người Trung Quốc di chuyển đến thị trấn Q, huyện Q thì bị lực lượng chức năng phát hiện, bắt quả tang.

Đến ngày 04/12/2023, Hoàng Văn N đến Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C đầu thú, thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Hành vi của các bị cáo Hoàng Văn N, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn C đã bị Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C lập hồ sơ khởi tố về hành vi tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép.

Tại bản Cáo trạng số: 25/CT-VKSCB-P1 ngày 27/03/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố Hoàng Văn N về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự; truy tố Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn C về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Hoàng Văn N, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn C khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu ở trên và thừa nhận bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố là đúng với hành vi đã thực hiện.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội đánh giá các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo và khẳng định quyết định truy tố đối với Hoàng Văn N về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn C về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội danh, điều luật đã viện dẫn nêu trên, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

Các bị cáo Hoàng Văn N, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn C phạm tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”.

+ Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 348; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Hoàng Văn N** từ 30 đến 36 tháng tù;

+ Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo **Nguyễn Văn T1**, **Nguyễn Văn C** mỗi bị cáo từ 12 đến 18 tháng tù.

Hình phạt bổ sung: không áp dụng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Truy thu số tiền do phạm tội mà có đối với bị cáo **Hoàng Văn N** số tiền 27.800.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước. Xác nhận bị cáo đã nộp đủ.

Đề nghị tịch thu hóa giá lấy tiền nộp ngân sách Nhà nước 03 điện thoại tạm giữ của **Hoàng Văn N**, **Nguyễn Văn T1**, **Nguyễn Văn C** dùng vào việc thực hiện hành vi phạm tội.

Trả lại cho **Nguyễn Văn T1**: 01 giấy phép lái xe mang tên **Nguyễn Văn T1**.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo **Hoàng Văn N**, **Nguyễn Văn T1**, **Nguyễn Văn C** nhất trí với luận tội của đại viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo hối hận về hành vi phạm tội mong Hội đồng xét xử xem xét được hưởng hình phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về hành vi phạm tội: Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp nhau, phù hợp với các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung; lời khai của người nhập cảnh trái phép; biên bản thu giữ đồ vật, tài liệu; Trích xuất dữ liệu điện tử từ chiếc điện thoại thu giữ của các bị cáo thể hiện nội dung liên quan đến hành vi bị cáo thực hiện và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ kết luận:

Từ ngày 04/11/2023 đến ngày 11/11/2023 **Hoàng Văn N** tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép 03 lần; **Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn C** tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép 01 lần. Cụ thể:

Lần thứ nhất, ngày 04/11/2023 **N** đến thành phố Hồ Chí Minh chở 02 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép đưa đến tỉnh Bắc Ninh rồi **N** thuê xe taxi chở người đến tỉnh Cao Bằng và được hưởng lợi 17.800.000 đồng.

Lần thứ 2, ngày 09/11/2023 sau khi tập trung được 02 người nhập cảnh trái phép từ Trung Quốc vào Việt Nam, **N** chở 02 người Trung Quốc từ tỉnh Bắc Ninh đến thành phố Hồ Chí Minh và hưởng lợi 10.000.000 đồng.

Lần thứ 3, ngày 11/11/2023 **Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn C** đến **huyện T, tỉnh Cao Bằng** chở 02 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép đưa đến tỉnh Bắc Ninh để **N, C, T1** tiếp tục chở đến thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Quảng Ninh; khoảng 02 giờ 30 phút ngày 11/11/2023 khi **T1, C** chở 02 người Trung Quốc di chuyển đến **thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Cao Bằng** thì bị lực lượng chức năng bắt quả tang; do chưa chở người đến thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Quảng Ninh nên lần thứ 3 **T, C, N** chưa nhận được tiền công.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp, mục đích vì vụ lợi. Hành vi của các bị cáo **Hoàng Văn N** thực hiện hành vi đưa người khác nhập cảnh trái phép 03 lần nên có đủ yếu tố cấu thành tội phạm về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo **Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn C** thực hiện hành vi đưa 02 người nhập cảnh trái phép nên đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự; Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh gây ảnh hưởng xấu đến việc giữ gìn an ninh tại khu vực biên giới, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Hành vi của các bị cáo tiềm ẩn nguy cơ phát sinh các loại tội phạm cũng như làm phát sinh nhiều vấn đề an ninh trật tự phức tạp và làm ảnh hưởng đến sự chỉ đạo của các ngành, các cấp về ngăn chặn, đấu tranh đối với các hành vi xuất, nhập cảnh qua biên giới. Do vậy, việc đưa các bị cáo ra truy tố, xét xử trước pháp luật là cần thiết, nhằm mục đích răn đe giáo dục riêng đối với bị cáo và phục vụ công tác đấu tranh chống tội phạm và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân:

Ngày 12/03/1993, bị cáo **Hoàng Văn N** bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Bắc xử phạt 05 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa” và tội “Phá hủy công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia”. Xét các nghĩa vụ dân sự trong bản án đã được bị cáo nộp phạt ngay sau khi nhận được thông báo của cơ quan chức năng, nên có căn cứ xác định bị cáo được xoá án tích theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo **Nguyễn Văn T1** có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự;

Ngày 30/09/2016, bị cáo **Nguyễn Văn C** bị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xử phạt về tội “Trộm cắp tài sản”, đã được xoá án tích.

- *Về tình tiết tăng nặng*: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ*: Cả 03 bị cáo cùng được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” và “Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án” quy định tại điểm s, t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo **Hoàng Văn N** đã ra đầu thú; bị cáo tác động gia đình đã nộp lại số tiền 27.800.000 đồng là số tiền thu lợi bất chính; ngoài ra, bố của bị cáo là ông **Hoàng Đức L** được nhà nước trao tặng Huy chương chiến thắng, Huân chương kháng chiến hạng nhất nên bị cáo **Hoàng Văn N** được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Xét vai trò của các bị cáo: Các bị cáo phạm tội với tính chất đồng phạm giản đơn, tham gia với vai trò là người thực hành, thực hiện hành vi đón người nhập cảnh trái phép đến địa điểm theo sự chỉ đạo của người có số điện thoại 0886.080.095 để nhận tiền công.

[4] Về hình phạt chính:

Căn cứ vào tính chất mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội bị cáo gây ra; nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét thấy: Bị cáo **Hoàng Văn N** có 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 và 03 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, do đó có căn cứ để áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo dưới khung hình phạt thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Xét mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo là có căn cứ cần chấp nhận.

[5]. Về hình phạt bổ sung:

Khoản 4 Điều 348 của Bộ luật Hình sự quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.

Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo không có thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. *Về xử lý vật chứng*: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Truy thu số tiền 27.800.000 đồng thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội mà có đối với bị cáo **Hoàng Văn N** nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với 03 điện thoại tạm giữ của các bị cáo **Hoàng Văn N**, **Nguyễn Văn T1**, **Nguyễn Văn C**, xét thấy đây là công cụ phương tiện sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước;

- Đối với giấy phép lái xe mang tên **Nguyễn Văn T1**, đây là giấy tờ cá nhân không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

[7]. *Về nghĩa vụ chịu án phí*: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

[8]. Về các vấn đề khác:

Đối với người thuê, người giao, người nhận những người Trung Quốc nhập cảnh trái phép cho **N** và người thuê người giao người nhập cảnh trái phép cho **T1**, **C**. Quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch cụ thể, nên không có căn cứ để mở rộng điều tra làm rõ.

Đối với 02 công dân Trung Quốc nhập cảnh trái phép trong vụ án. Ngày 19/11/2023, ngày 14/01/2024 **Phòng Q Công an tỉnh C** đã ra quyết định xử phạt hành chính với hình thức phạt tiền và trục xuất về nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo **Hoàng Văn N**, **Nguyễn Văn T1**, **Nguyễn Văn C** phạm tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*”.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 348; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Hoàng Văn N** 36 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 04/12/2023.

Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T1** 18 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ tạm giam 11/11/2023.

Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn C** 18 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ tạm giam 11/11/2023.

2. Việc xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Truy thu số tiền 27.800.000 đồng thu lợi bất chính từ phạm tội mà có đối với bị cáo **Hoàng Văn N** nộp ngân sách Nhà nước. Xác nhận bị cáo tự nguyện nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng số tiền 27.800.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0000160, ngày 26/3/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng.

- Tịch thu hóa giá lấy tiền nộp ngân sách Nhà nước:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy A52s 5G, màu xanh lá (điện thoại của **Hoàng Văn N**), được niêm phong trong phong bì, mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và 04 góc có đóng hình dấu tròn mực đỏ của Cơ quan An ninh điều tra **Công an tỉnh C**;

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 7 plus, màu đen, đã qua sử dụng (điện thoại của **Nguyễn Văn C**), được niêm phong trong phong bì, mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và 04 góc có đóng hình dấu tròn mực đỏ của Cơ quan An ninh điều tra **Công an tỉnh C**.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy M51, màu xám, đã qua sử dụng (điện thoại của **Nguyễn Văn T1**), được niêm phong trong phong bì, mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và 04 góc có đóng hình dấu tròn mực đỏ của Cơ quan An ninh điều tra **Công an tỉnh C**.

- Trả lại cho bị cáo **Nguyễn Văn T1**: 01 giấy phép lái xe mang tên **Nguyễn Văn T1**.

Xác nhận toàn bộ vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng theo biên bản giao nhận vật chứng số: 83, ngày 12/4/2024.

3. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo **Hoàng Văn N**, **Nguyễn Văn T1**, **Nguyễn Văn C** mỗi người phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Các bị cáo Hoàng Văn N, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn C có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh CB;
- Phòng ANĐT CA tỉnh CB;
- Trại tạm giam CA tỉnh CB;
- Phòng PC 10 CA tỉnh CB;
- Phòng HS Công an tỉnh CB;
- Sở Tư pháp CB;
- Cục THA dân sự tỉnh CB;
- Phòng KTNV&THA;
- Bị cáo;
- Lưu HS vụ án; HCTP;
- Lưu tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nông Công Hưng